

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/DS - PT
Ngày: 02/12/2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Phan Hồng Phước và bà Hoàng Thị Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Như Ngọc –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà
Chế Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2025/TLPT- DS ngày 10/10/2025
về “ Tranh chấp hợp đồng góp vốn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án
nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2025/QĐ-PT ngày
21/11/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Bình M, sinh năm 2003; nơi cư trú: Tổ dân phố F
H, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số D Trần Nhân
Tông Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: nguyên đơn anh Nguyễn Bình M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và bản án
sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:*

Nguyên đơn anh Nguyễn Bình M trình bày: Anh Nguyễn Bình M là nhân viên
lái xe Công ty T, thường xuyên đến tiệm rửa xe của anh Nguyễn Ngọc S. Qua tìm
hiểu anh M được biết anh S cần người góp vốn để đầu tư thêm trang thiết bị và
chia lợi nhuận nên anh S đã đồng ý và góp 50 triệu đồng (nguyên đơn chuyển
khoản vào tài khoản của anh S 47.000.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền mặt), giữa

anh M và anh S có lập hợp đồng góp vốn (có công chứng) và cùng nhau thống nhất mua biển quảng cáo, đồng phục nhân viên để hoạt động rửa xe, mua thêm vật tư và bàn ghế cho khách ngồi hết 2.155.000 đồng. Sau 02 tháng góp vốn, anh M và anh S đã chia lợi nhuận đầy đủ, sau đó hai bên xảy ra mâu thuẫn, anh S yêu cầu chấm dứt hợp đồng góp vốn và đuổi anh M khỏi gara. Anh M cùng gia đình đã nhiều lần đến nhà anh S để đòi lại số tiền góp vốn ban đầu là 50.000.000 đồng nhưng anh S không chấp nhận. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Ngọc S trả lại số tiền góp vốn ban đầu là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền 2.155.000 đồng nguyên đơn chấp nhận là phí hao mòn tài sản nên không yêu cầu.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc S trình bày: Anh Nguyễn Bình M và anh Nguyễn Ngọc S có quan hệ quen biết, do biết anh S có mở cơ sở rửa xe, qua vài lần gặp gỡ, anh M chủ động đề nghị góp vốn với anh S, số tiền anh M góp vốn là 50.000.000 đồng (nguyên đơn chuyển khoản vào tài khoản của bị đơn 47.000.000 đồng và 3.000.000 đồng làm biển quảng cáo và mua đồng phục cho nhân viên). Việc góp vốn có lập thành văn bản và công chứng tại Văn phòng công chứng. Từ khi anh M góp vốn với anh S, hai tháng đầu đều là công sức chủ yếu do anh S bỏ ra và có chia lợi nhuận đầy đủ cho anh M, đến đầu tháng thứ 3 chủ thuê đất yêu cầu đóng tiền thuê 03 tháng, anh S yêu cầu anh M cùng đóng thì anh M không chấp nhận và từ đó không đến gara nữa. Số tiền 1.000.000 đồng mua vật tư và bàn ghế cho khách là lợi nhuận hai bên cùng góp chứ không phải tiền riêng của ai. Anh M1 đã đồng ý góp vốn là phải có trách nhiệm và nếu có thiệt hại xảy ra thì cùng chịu. Anh S không đề nghị chấm dứt việc góp vốn và anh M1 là người tự động chấm dứt nên anh S không chấp nhận. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tiền vốn góp ban đầu 50.000.000 đồng, bị đơn không đồng ý. Việc góp vốn là để mua máy móc thiết bị phục vụ cho việc rửa xe và phải mở gara mới có tiền để chia lợi nhuận chứ không phải cứ góp tiền là sẽ tự động có lợi nhuận thu, từ khi nguyên đơn khởi kiện đến nay bị đơn phải đóng quán nhiều ngày làm ảnh hưởng đến việc làm ăn. Bị đơn nếu nguyên đơn trả lại cho bị đơn 50.000.000 đồng thì bị đơn sẽ giao lại toàn bộ tài sản, trang thiết bị cho nguyên đơn.

Tại Bản án số 07/2025/DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Trị đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 116, Điều 117, Điều 280, Điều 357, Điều 385, Điều 504, Điều 512 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Bình M về “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” với bị đơn anh Nguyễn Ngọc S.

2. Anh Nguyễn Ngọc S được sở hữu 01 mái che (khung sắt, lợp tôn); 01 cửa sắt cuốn ; 01 cửa đi (cửa sắt); 01 sân nền láng xi măng; 01 máy bơm hơi hiệu Unika; 01 máy hút bụi hiệu Camry; 01 máy bơm rửa xe cao áp hiệu Jetta; 01 máy bơm rửa xe cao áp hiệu Mitshumi MSC30; 01 bình bọt tuyết Pallas; 02 biển quảng cáo; 01 bộ bàn ghế salon; 01 tủ nhựa (tủ lễ tân) + lưới B40 (che nhà vệ sinh); 02 bàn trắng được làm bằng sắt và 06 ghế sắt màu trắng; 03 bàn gỗ màu xanh và 09 ghế sắt màu đỏ; 01 can nước rửa xe tăng cường độ bóng; 01 can dung dịch dưỡng động cơ, lớp 3D; 01 can dung dịch dưỡng động cơ nhựa ngoại thất chống tia UV 3D; 01 can dung dịch rửa máy động cơ 3D; 01 can dung dịch làm sạch đa năng 3D; 01 can dung dịch nội thất nhựa cao su 3D; 01 can sản phẩm bóng nhanh 3D.

3. Buộc anh Nguyễn Ngọc S phải trả cho anh Nguyễn Bình M 37.671.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 28/8/2025, nguyên đơn anh Nguyễn Bình M có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh Nguyễn Ngọc S trả lại 50.000.000 đồng cho anh Nguyễn Bình M và trả lãi số tiền 50.000.000 đồng trong thời gian anh S đang giữ vốn của anh M.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung trong đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Bình M cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ là những hình ảnh trích xuất từ camera thể hiện anh S có hành vi đánh anh M và anh M cho rằng đó là nguyên nhân anh M chấm dứt hợp đồng góp vốn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.
- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn được làm trong thời hạn luật định và đảm bảo về nội dung theo các quy định tại Điều 272; Điều 273 và Điều 276 Bộ

luật Tố tụng dân sự 2015, nên được chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Bình M đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc anh Nguyễn Ngọc S trả lại 50.000.000 đồng cho anh Nguyễn Bình M theo hợp đồng góp vốn đã ký kết vào ngày 12/11/2024 và trả lãi của số tiền 50.000.000 đồng trong thời gian anh S đang giữ vốn của anh M, xét thấy:

Ngày 12/11/2024 anh Nguyễn Ngọc S và anh Nguyễn Bình M ký kết hợp đồng góp vốn. Nội dung của hợp đồng quy định tại Điều 2, Điều 3 ghi rõ: Tổng giá trị vốn góp là 100.000.000 đồng, trong đó nguyên đơn góp 50.000.000 đồng, tương đương 50% tổng giá trị vốn góp và bị đơn góp 50.000.000 đồng, tương đương 50% tổng giá trị vốn góp. Hai bên thống nhất mỗi bên hưởng 50% lợi nhuận thu được. Xét thấy việc ký kết hợp đồng góp vốn giữa hai bên là tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không trái đạo đức xã hội và phù hợp các quy định tại Điều 116; Điều 117 và Điều 504 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Tuy nhiên, sau khi hợp đồng ký kết được 02 tháng thì hai bên phát sinh tranh chấp nguyên nhân do anh S yêu cầu anh M góp tiền trả tiền thuê mặt bằng gara nhưng anh M không chấp nhận. Tại điểm 4.1 Điều 4 của hợp đồng có nêu rõ quyền của bên A: ... *“được quyền chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B không thanh toán tiền lợi nhuận cho mình và cùng chịu rủi ro với mình hoặc vi phạm nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng. Trường hợp này, Bên B phải thanh toán lại toàn bộ giá trị vốn góp cho Bên A và phải chịu phạt vi phạm theo thỏa thuận và bồi thường thiệt hại”*... Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, nguyên đơn có cung cấp các tài liệu chứng cứ (hình ảnh trích xuất từ camera) thể hiện anh S và anh M có xảy ra xô sát, cãi vã nhưng đây là mâu thuẫn cá nhân, không đủ cơ sở để chứng minh anh S vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng đã ký kết. Như vậy, anh M tự ý chấm dứt hợp đồng khi không chứng minh được do lỗi của anh S vi phạm nghĩa vụ tại hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Bình M khi nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng, nhưng bị đơn không có phương pháp để giải quyết dứt điểm vụ việc hậu quả phải dừng các hoạt động rửa xe làm ảnh hưởng thu nhập và thất thoát tài sản trong khi bị đơn vẫn quản lý sử dụng máy móc, phương tiện để hoạt động rửa xe. Do đó, trong vụ án này xác định hai bên đều có lỗi dẫn đến tài sản do các bên góp vốn bị giảm giá trị, mục đích của hợp đồng góp vốn không tiếp tục thực hiện được. Về tài sản là vốn góp: Nguyên đơn cho rằng cần làm rõ trong hợp đồng vốn góp đề cập tổng giá trị của hợp đồng là 100.000.000 đồng không ghi rõ mua sắm máy móc gì và làm những gì liên quan khác. Xét thấy, sau khi bàn bạc thỏa thuận các bên đã thống nhất bàn bạc và đồng ý ký kết hợp đồng theo nội dung ghi tại các

điều khoản được quy định trong hợp đồng. Số tiền 100.000.000 đồng được hai bên thống nhất thỏa thuận đầu tư nhằm mục đích đầu tư vốn kinh doanh để mở gara Minh S1 rửa xe ô tô và cùng chia lợi nhuận trên tổng giá trị vốn góp đó. Hợp đồng góp vốn có đầy đủ chữ ký của các bên và được công chứng theo quy định pháp luật. Mặt khác, theo quy định tại 504 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: Hợp đồng vốn góp là thỏa thuận về số tiền góp vốn để kinh doanh cùng hưởng lợi, cùng chịu trách nhiệm không nhất thiết phải ghi rõ cụ thể mua sắm máy móc, thiết bị gì và cụ thể làm những công việc gì vì quá trình kinh doanh có thể phát sinh nhiều thay đổi, thực tế sau khi ký kết hợp đồng nguyên đơn không có ý kiến gì về việc mua sắm các thiết bị phục vụ kinh doanh và các bên đã thực hiện chia lợi nhuận được hai tháng sau đó mới phát sinh tranh chấp.

Nguyên đơn cho rằng tài sản định giá bị thất thoát không đủ 100.000.000 đồng như trong hợp đồng, nhiều tài sản bị thất thoát và không có chứng từ hóa đơn thanh toán và ngoài phần vốn góp ban đầu anh S1 còn yêu cầu mua sắm thêm các thiết bị với số tiền 2.155.000 đồng. Tại buổi hòa giải ngày 24/6/2025 các bên thống nhất về giá đối với các tài sản sau: 01 tủ nhựa (tủ lễ tân) + lưới B40 (che nhà vệ sinh) trị giá 1.000.000 đồng; 02 bàn trắng được làm bằng sắt và 06 ghế sắt màu trắng trị giá: 1.000.000 đồng; 03 bàn gỗ màu xanh và 09 ghế sắt màu đỏ trị giá: 600.000 đồng; 01 can nước rửa xe tăng cường độ bóng trị giá: 750.000 đồng; 01 can dung dịch dưỡng động cơ, lớp 3D trị giá: 1.100.000 đồng; 01 can dung dịch dưỡng động cơ nhựa ngoại thất chống tia UV 3D trị giá: 1.550.000 đồng; 01 can dung dịch rửa máy động cơ 3D trị giá: 780.000 đồng; 01 can dung dịch làm sạch đa năng 3D trị giá 680.000 đồng; 01 can dung dịch nội thất nhựa cao su 3D trị giá 1.250.000 đồng; 01 can sản phẩm bóng nhanh 3D trị giá 1.100.000 đồng. Ngày 11/6/2025 Tòa án đã tiến hành định giá tài sản đối với các loại tài sản mà các bên không thống nhất được gồm: 01 mái che (khung sắt, lợp tôn) trị giá 21.294.000 đồng; 01 cửa cuốn trị giá 5.984.000 đồng; 01 cửa đi (cửa sắt) trị giá 3.978.000 đồng; 01 sân nền láng xi măng trị giá 5.856.000 đồng; 01 máy bơm hơi hiệu Unika trị giá 7.650.000 đồng; 01 máy hút bụi hiệu Camry trị giá 1.935.000 đồng; 01 máy bơm rửa xe cao áp hiệu Jetta trị giá 9.900.000 đồng; 01 máy bơm rửa xe cao áp hiệu Mitshumi MSC30, trị giá 4.635.000 đồng; 01 bình bọt tuyết Pallas trị giá 1.800.000 đồng; 02 biển quảng cáo giá trị còn lại 1.500.000 đồng; 01 bộ bàn ghế salon trị giá 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 75.342.000 đồng. Nguyên đơn không đồng ý với kết quả định giá của cấp sơ thẩm, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như giai đoạn phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ gì về việc nộp thêm số tiền 2.155.000 đồng ngoài số tiền vốn góp ban đầu cũng như không có yêu cầu đơn vị định giá độc lập để xem xét lại toàn bộ giá trị tài sản. Quá trình sử dụng các tài sản mà các bên đầu tư

để phục vụ kinh doanh còn phải trừ đi giá trị khấu hao ban đầu, do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản định giá tài sản ngày 11/6/2025 của Hội đồng định giá và nội dung thoả thuận về giá đối với một số tài sản được nghị nhận tại biên bản hoà giải ngày 24/6/2025 là đúng quy định pháp luật. Xét thấy, anh Nguyễn Ngọc S hiện đang là người quản lý các tài sản trên nên Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ tài sản trên cho anh S sở hữu và buộc anh S hoàn trả giá trị chênh lệch về tài sản cho anh M với số tiền 37.671.000 đồng là phù hợp. Do nguyên đơn tự ý chấm dứt hợp đồng trái quy định của pháp luật nên việc nguyên đơn buộc bị đơn phải trả thêm khoản tiền lãi là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc anh Nguyễn Ngọc S trả lại 50.000.000 đồng cho anh Nguyễn Bình M theo hợp đồng góp vốn đã ký kết vào ngày 12/11/2024 và trả lãi của số tiền 50.000.000 đồng trong thời gian anh S đang giữ vốn của anh M. Quyết định của Bản án sơ thẩm số 07/2025/ DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Bình M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Bình M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2025/ DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Áp dụng các Điều 116; Điều 117; Điều 280; Điều 357; Điều 385; Điều 504; Điều 512 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bình M về “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” với anh Nguyễn Ngọc S.

- Anh Nguyễn Ngọc S được sở hữu các tài sản gồm: 01 mái che (khung sắt, lợp tôn) trị giá 21.294.000 đồng; 01 cửa cuốn trị giá 5.984.000 đồng; 01 cửa đi (cửa sắt) trị 3.978.000 đồng; 01 sân nền láng xi măng trị giá 5.856.000 đồng; 01

máy bơm hơi hiệu Unika trị giá 7.650.000 đồng; 01 máy hút bụi hiệu Camry trị giá 1.935.000 đồng; 01 máy bơm rửa xe cao áp hiệu Jetta trị 9.900.000 đồng; 01 máy bơm rửa xe cao áp hiệu Mitshumi MSC30, trị giá 4.635.000 đồng; 01 bình bột tuyết Pallas trị giá 1.800.000 đồng; 02 biển quảng cáo giá trị còn lại 1.500.000 đồng; 01 bộ bàn ghế salon trị giá 1.000.000 đồng; 01 tủ nhựa (tủ lễ tân) + lưới B40 (che nhà vệ sinh) trị giá 1.000.000 đồng; 02 bàn trắng được làm bằng sắt và 06 ghế sắt màu trắng trị giá: 1.000.000 đồng; 03 bàn gỗ màu xanh và 09 ghế sắt màu đỏ trị giá: 600.000 đồng; 01 can nước rửa xe tăng cường độ bóng trị giá: 750.000 đồng; 01 can dung dịch dưỡng động cơ, lớp 3D trị giá: 1.100.000 đồng; 01 can dung dịch dưỡng động cơ nhựa ngoại thất chống tia UV 3D trị giá: 1.550.000 đồng; 01 can dung dịch rửa máy động cơ 3D trị giá: 780.000 đồng; 01 can dung dịch làm sạch đa năng 3D trị giá 680.000 đồng; 01 can dung dịch nội thất nhựa cao su 3D trị giá 1.250.000 đồng; 01 can sản phẩm bóng nhanh 3D trị giá 1.100.000 đồng.

- Buộc anh Nguyễn Ngọc S phải trả cho anh Nguyễn Bình M 37.671.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: anh Nguyễn Bình M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm được khấu trừ tại biên lai số 0000270 ngày 05/9/2025 nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh Nguyễn Bình M đã nộp đủ.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (02/12/2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND KV 2;
- THADS QT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Trần Anh Tuấn